

Số: 3867/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 229/TTr-SNV ngày 16/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hoá đã được Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2016 - 2019 của Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hoá thông qua ngày 18/11/2016, bao gồm 08 Chương, 26 Điều.

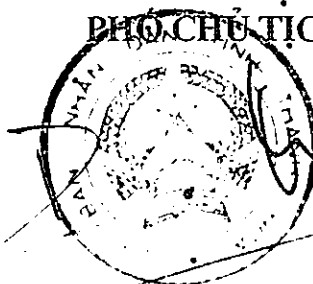
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hoá, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền



ĐIỀU LỆ

Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 3867 /QĐ-UBND ngày 11/10/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi: Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa.
2. Biểu tượng: Có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, mang tính tự nguyện, không vì mục đích lợi nhuận, không vụ lợi, tập hợp các tổ chức, cá nhân yêu thích bộ môn bóng rổ trong phạm vi thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục đích hoạt động của Hội là nhằm rèn luyện sức khỏe, thể lực và phát triển tài năng, tham gia phát triển thành tích bóng rổ thành phố Thanh Hóa, góp phần nâng cao vị thế của bóng rổ thành phố Thanh Hóa nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 24, đường Hoàng Văn Thụ, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.
2. Lĩnh vực hoạt động chính của Hội là tập luyện bóng rổ, chiêu sinh mở các lớp bóng rổ, tham gia thi đấu bóng rổ ở các giải phong trào.
3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND thành phố Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp các dịch vụ có liên quan lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác thuộc lĩnh vực của Hội theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở Hội phí của Hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội.

3. Phát triển phong trào tập luyện bóng rổ cho mọi đối tượng, đặc biệt là thanh thiếu niên học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao sức khỏe, rèn luyện phẩm chất, ý chí, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội ngày càng phát triển; tạo môi trường phát hiện và bồi dưỡng các tài năng bóng rổ.

4. Xây dựng và góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng bóng rổ các lứa tuổi trong phạm vi thành phố Thanh Hóa nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung.

5. Phối hợp tổ chức, điều hành các giải đấu bóng rổ phong trào trong phạm vi thành phố Thanh Hóa và tham gia tổ chức, điều hành các giải đấu bóng rổ phong trào phạm vi của Hội.

6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

7. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

8. Tích cực mở rộng xã hội hóa bóng rổ; huy động tốt các nguồn lực xã hội để mở rộng và phát triển nâng cao môn bóng rổ trên phạm vi thành phố Thanh Hóa.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

11. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Thanh Hóa có niềm đam mê bóng rổ, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Là công dân Việt Nam, không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành Hội viên chính thức của Hội, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Hội viên danh dự dành cho những người có công đặc biệt giúp đỡ cho sự phát triển phong trào của Hội và được Hội xem xét chấp nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Có hộ khẩu thường trú tại Thanh Hóa, có sức khỏe tốt.

b) Lý lịch rõ ràng, không tiền án, tiền sự, không có tiền án tiêu cực, tệ nạn xã hội.

c) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

d) Được một Hội viên chính thức giới thiệu.

đ) Thời gian thử thách ban đầu đối với người xin tham gia Hội trước khi trở thành hội viên chính thức từ 3 tháng đến 6 tháng, được đánh giá là đạt tiêu chuẩn.

e) Có đơn xin đăng ký tham gia Hội, cam kết nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ này và các quy định khác của Hội.

f) Tự trang bị hoặc đóng góp kinh phí mua sắm cơ sở vật chất và các trang thiết bị khác theo quy định chung của Hội.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội của Hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu Hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành điều lệ, quy định của Hội, đem hết khả năng

và tâm huyết để phục vụ mọi hoạt động của Hội, không kích động chia rẽ bè phái, gây mất đoàn kết trong Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh. Nếu vắng mặt phải thông báo trước cho lãnh đạo Hội.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Không được tự ý hợp đồng giảng dạy, huấn luyện với các tổ chức, cá nhân khác khi chưa có sự đồng ý của Hội (trực tiếp là Ban Thường vụ Hội).

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục gia nhập, rút tên, khai trừ khỏi Hội

1. Thủ tục xin gia nhập:

- a) Đơn đăng ký tham gia Hội (theo mẫu của Bộ Nội vụ).
- b) Sơ lý lịch tự khai.
- c) Chủ tịch Hội ra quyết định công nhận gia nhập Hội.

2. Thủ tục xin rút tên:

- a) Đơn xin rút tên không tham gia Hội.
- b) Chủ tịch Hội ra quyết định công nhận rút tên khỏi hội.

3. Thủ tục khai trừ:

- a) Ban Chấp hành Hội triệu tập cuộc họp xét khai trừ hội viên.
- b) Người vi phạm trình bày nội dung vi phạm.
- c) Chủ tịch Hội căn cứ Biên bản họp Ban Chấp hành về nội dung thống nhất khai trừ để ra quyết định khai trừ một hoặc một số hội viên ra khỏi Hội.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức chuyên môn.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức bốn năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua điều lệ; điều lệ (sửa đổi, bổ sung) đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội.

c) Thảo luận, góp ý kiến và báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội.

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý sử dụng con dấu của Hội, quy chế khen thưởng, kỷ luật, các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy chế, điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp bốn lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ Hội cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ Hội hoạt động theo quy tắc do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ Hội mỗi tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ Hội tham dự họp. Ban Thường vụ Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ Hội quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ Hội dự họp biểu quyết tán thành.

Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu ra. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội: Do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các thành viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng nhiệm kỳ, Phó Chủ tịch có thể có từ 02 người trở lên giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, quyền hạn theo điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm trưởng ban và 2 ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trưởng Ban Kiểm tra Hội là ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

c) Tham mưu cho Chủ tịch công tác khen thưởng, kỷ luật trong Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Thường vụ

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Thường vụ Hội trong nhiệm kỳ:

1. Thành viên Ban Thường vụ đương nhiên bị mất tư cách thành viên trong trường hợp bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2. Không tham gia các hoạt động của Ban Thường vụ trong sáu tháng liên tục, trừ những trường hợp bất khả kháng.

3. Thành viên Ban Thường vụ bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng điều lệ Hội hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Hội. Trong trường hợp này thành viên Ban Thường vụ bị bãi nhiệm chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường cho Hội toàn bộ thiệt hại có liên quan.

4. Tại cuộc họp gần nhất, Đại hội bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Thường vụ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 19. Các tổ chức chuyên môn

1. Bộ phận Hành chính do một Phó Chủ tịch Hội phụ trách và thư ký giúp việc.

2. Bộ phận chuyên môn do một Phó Chủ tịch Hội và hội viên giúp việc.

3. Bộ phận kế toán: Có kế toán trưởng, thủ quỹ.

4. Các sân bãi, nhà thi đấu phù hợp đảm bảo tập luyện.

CHƯƠNG V

CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội gồm: Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

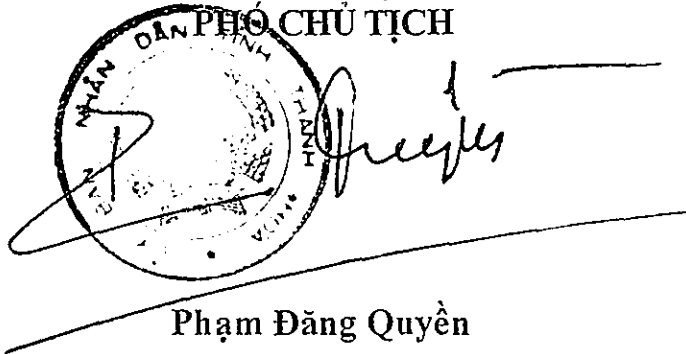
Chỉ có Đại hội của Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bóng rổ thành phố Thanh Hóa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Phạm Đăng Quyền